

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2018.

V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Bà Trần Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1972

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1968

Đều ĐKKHKT và chỗ ở: Đường L, tổ 20, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số 108, phố H, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Minh G – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Thái Bình.

Theo văn bản ủy quyền số 749/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/7/2017 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C.

(Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2007, tại UBND phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung sau: 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2010, diện tích xây dựng khoảng 138m² trên diện tích đất 54,8m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên chị và anh D, trị giá nhà, đất khoảng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là 280.000.000đ, tiền lãi hàng tháng chị đã trả đến hết tháng 8/2018.

Ly hôn, chị đề nghị Tòa án tiến hành định giá nhà và đất trên và chia theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Nếu anh Nguyễn Văn D có nguyện vọng sở hữu nhà và sử dụng đất thì anh Toàn có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và thanh toán cho chị 50% giá trị nhà đất còn lại bằng tiền trong thời gian 01 tháng kể từ ngày Tòa án tiến hành định giá nhà, đất.

Trong trường hợp anh D không có nguyện vọng sở hữu nhà và sử dụng đất hoặc trong vòng 01 tháng mà anh D không thanh toán 50% giá trị nhà, đất còn lại bằng tiền cho chị thì chị đề nghị Tòa án giao nhà và đất cho chị sở hữu và sử dụng, chị có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và thanh

toán cho anh D 50% giá trị nhà đất còn lại bằng tiền trong thời gian 01 tháng kể từ ngày Tòa án tiến hành định giá nhà, đất.

Ngoài ra, chị và anh D còn có một số tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày của gia đình thì chị và anh D thỏa thuận, tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh D không còn nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

*) Bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Điều kiện kết hôn giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra va chạm nhỏ nhặt hằng ngày nhưng chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2017, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2010, diện tích xây dựng khoảng 138m² trên diện tích đất 54,8m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên anh và chị T.

Nếu phải ly hôn anh đề nghị được sở hữu nhà và sử dụng đất, anh có trách nhiệm trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng và thanh toán cho chị T ½ giá trị nhà, đất còn lại, giá trị nhà và đất như thế nào do Hội đồng định giá xác định.

Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là 280.000.000đ, tiền lãi hàng tháng đã trả đến hết tháng 4/2018.

Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

*) Người được ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP C trình bày:

Ngày 27/3/2017, Ngân hàng TMCP C cùng với anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Kim T ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCV/NHCT360, theo đó, Ngân hàng cho chị T và anh D vay số tiền 280.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/3/2019. Đến nay, anh D và chị T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 280.000.000 đồng, tiền lãi đã trả đến hết tháng 8/2018.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, chị T và anh D đã thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất ở có diện tích là 54,8m² và tài sản gắn liền với đất là

01 nhà mái bằng 03 tầng, công trình phụ khép kín, diện tích sử dụng khoảng 130m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên anh Toàn và chị Thanh tại địa chỉ đường L, tổ 20, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ngân hàng tham gia tổ tụng tại Tòa án với tư cách người có quyền lợi liên quan, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập. Khoản nợ của chị T và anh D đủ tiêu chuẩn, chị T và anh D vẫn trả nợ đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngân hàng đề nghị: Trước khi ly hôn chị T và anh D trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng hoặc một trong hai người được nhận tài sản chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và anh D cư trú cung cấp như sau:

Trong quá trình chung sống, chị T và anh D đã xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì tổ dân phố và chính quyền địa phương không nắm được vì không thấy ai báo cáo gì, tổ dân phố và chính quyền địa phương chưa phải can thiệp. Anh D có nguyện vọng muốn được đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn, việc đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh D và chị T không có con chung.

Anh D và chị T có 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2010 xây dựng trên diện tích đất 54,8m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên anh D và chị T. Từ năm 2010 đến nay, nhà và đất của anh D và chị T sử dụng ổn định, không có tranh chấp với những hộ liền kề, không có tranh chấp với người khác.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 59, 60, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Chị T và anh D không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Xử giao cho chị T được sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2010, diện tích xây dựng khoảng 138m² trên diện tích đất 54,8m² và sử dụng diện tích đất là 54,8m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên chị T và anh D tại địa chỉ: Đường L, tổ 20, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3.2. Chị T phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh D số tiền là 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng).

3.3. Xử giao cho anh Nguyễn Văn D được sở hữu số tiền 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng) do chị Nguyễn Thị Kim T thanh toán chênh lệch về tài sản.

3.4. Công nhận chị Nguyễn Thị Kim T đã trả toàn bộ nợ của chị và anh D cho Ngân hàng TMCP C.

4. Các đương sự nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn D không có mặt tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử trong trường hợp nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn vắng mặt.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị T xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị T, không có mặt tại phiên hòa giải, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh D là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh D không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tài sản chung của chị T và anh D là: 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2010, diện tích xây dựng khoảng 138m² trên diện tích đất 54,8m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên chị T và anh D tại địa chỉ: Đường L, tổ 20, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Do các đương sự không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản nên Tòa án đã ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản, nhiều lần tiến hành định giá nhưng anh D không hợp tác, cản trở việc định giá, không mở cổng, cửa để Hội đồng định giá vào làm việc, đã thay toàn bộ khóa cổng, cửa nên chị T cũng không thể mở cổng, cửa nhà được nên Hội đồng định giá không định giá được và tiến hành lập biên bản không định giá được. Căn cứ vào điều 16, điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014, Tòa án đã yêu cầu chị T đưa ra giá của tài sản có tranh chấp, chị T đã đưa ra giá của nhà và đất trên là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị nhà và đất mà chị T đưa ra là trung thực, khách quan, công khai, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án căn cứ vào giá chị T đưa ra để giải quyết tài sản có tranh chấp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định giá trị nhà và đất của chị T và anh D là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ly hôn, chị T đang nuôi con riêng đang học phổ thông nên rất cần chỗ ở để ổn định cuộc sống, sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tạo dựng nơi ở mới nên cần giao nhà, đất cho chị T sở hữu và sử dụng. Chị T, anh D còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là 280.000.000 đồng, đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên cả chị T và anh D đều phải có nghĩa vụ trả nợ bằng nhau, số tiền nợ này được trừ vào tài sản chung của vợ chồng, giá trị tài sản còn lại là 1.020.000.000 đồng, chị T phải thanh toán cho anh D 50% giá trị nhà, đất còn lại trên. Trước khi bắt đầu phiên tòa, chị T đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCV/NHCT360 ngày 27/3/2017 nên Hội đồng xét xử cần công nhận việc trả nợ xong của chị T và anh D. Chị T phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh D toàn số tiền là 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng).

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí nghĩa vụ trả nợ và án phí chia tài sản chung. Anh D phải nộp án phí nghĩa vụ trả nợ và án phí chia tài sản chung.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 59, 60, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản:

3.1. Xử giao cho chị Nguyễn Thị Kim T được sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng xây năm 2010, diện tích xây dựng khoảng 138m² trên diện tích đất 54,8m² và sử dụng diện tích đất là 54,8m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mang tên chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn D, tại địa chỉ: Đường L, tổ 20, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3.2. Chị Nguyễn Thị Kim T phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Văn D số tiền là 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng).

3.3. Xử giao cho anh Nguyễn Văn D được sở hữu số tiền 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng) do chị Nguyễn Thị Kim T thanh toán chênh lệch về tài sản.

3.4. Công nhận chị Nguyễn Thị Kim T đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi của chị và anh D cho Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCV/NHCT360 ngày 27/3/2017.

3.5. Anh Nguyễn Văn D được quyền lưu cư để tạo dựng nơi ở mới trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chị Nguyễn Thị Kim T thanh toán xong tiền chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Văn D.

3.6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 7.000.000 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ và 24.400.000 đồng án phí chia tài sản, tổng số tiền án phí chị T phải nộp là 31.700.000 đồng; chuyển số tiền 10.800.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006921 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí, chị T còn phải nộp 20.900.000 đồng án phí sơ thẩm.

4.2. Anh Nguyễn Văn D phải nộp 7.000.000 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ và 24.400.000 đồng án phí chia tài sản, tổng số tiền án phí anh D phải nộp là 31.400.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo tron hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND phường Đ, TP.T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái